

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN**

Số: 02 /GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Tân Uyên, ngày 20 tháng 02 năm 2025

GIẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định một số điều Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2733/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2022 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc ủy quyền cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định hồ sơ cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của UBND huyện Bắc Tân Uyên; Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc điều chỉnh Quyết định số 2733/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND huyện Bắc Tân Uyên;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Hong Ye Việt Nam tại Văn bản số 03/GPMT-HY ngày 09 tháng 01 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bắc Tân Uyên tại Tờ trình số 119/TTr-PTNMT ngày 13 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Hong Ye Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Ô 5 lô A10-1, đường D2, Khu công nghiệp Đất Cuốc - khu B, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy – Công ty TNHH Hong Ye Việt Nam” với các nội dung



như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà máy – Công ty TNHH Hong Ye Việt Nam”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ô 5 lô A10-1, đường D2, Khu công nghiệp Đất Cuốc - khu B, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên mã số 3703176330, chứng nhận lần đầu ngày 12 tháng 12 năm 2023, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 04 tháng 09 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2122084460, chứng nhận lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2024, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 1 ngày 13 tháng 11 năm 2024 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bình Dương cấp.

1.5. Mã số thuế: 3703176330.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bột sơn tĩnh điện.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích của dự án: 6.000m² (không bao gồm phần diện tích thuộc phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ). Trong đó:

+ Nhà xưởng 01 + nhà văn phòng (diện tích 3.344 m²); Nhà xe công nhân (diện tích 64 m²); Nhà xe ô tô (diện tích 35 m²); Nhà bảo vệ (diện tích 21 m²); Trạm điện (diện tích 10,6 m²); Các công trình phụ (diện tích 114,8 m²); Nhà rác công nghiệp (diện tích 12,75 m²); Nhà rác nguy hại (diện tích 12,75 m²);

+ Cây xanh (diện tích 1.200 m²); Sân đường nội bộ (diện tích 1.185,1 m²).

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công).

- Quy trình sản xuất: Nguyên liệu (nhựa nền, bột màu, chất phụ gia) → Cân định lượng tại bồn trộn → Trộn nguyên liệu → Ép đùn → Tạo thanh và đập nhỏ → Nghiền và làm mịn → Phân loại → Kiểm tra chất lượng thành phẩm → Sơn và đóng thành phẩm → Lưu kho.

- Công suất: Bột sơn tĩnh điện công suất 5.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Hong Ye Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND huyện Bắc Tân Uyên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(từ ngày 20 tháng 02 năm 2025 đến ngày 20 tháng 02 năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà máy – Công ty TNHH Hong Ye Việt Nam” của Công ty TNHH Hong Ye Việt Nam tại Ô 5 lô A10-1, đường D2, Khu công nghiệp Đất Cuốc - khu B, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo quy định pháp luật. /-nh

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Hong Ye Việt Nam;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Đất Cuốc;
- BQL KCN Đất Cuốc;
- Cổng Thông tin điện tử huyện (công khai);
- Lưu: VT, Đ

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thuận

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đất Cuốc, không thải ra môi trường).

- Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất số 164/2023/HĐCT-KSIP ngày 20/12/2023 giữa Công ty Cổ Phần Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương và Công ty TNHH Hong Ye Việt Nam.

- Căn cứ Nội dung Phụ lục Hợp đồng về phí xử lý nước thải và quản lý môi trường của Hợp đồng số 164/2023/HĐCT-KSIP ngày 20/12/2023 giữa Công ty Cổ Phần Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương và Công ty TNHH Hong Ye Việt Nam.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà văn phòng, lưu lượng lớn nhất khoảng 3,9 m³/ngày được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, sau đó dẫn chung bằng đường ống nhựa HDPE đường kính Ø90mm về điểm đầu nối nước thải vào hố ga thoát nước thải của KCN Đất Cuốc (trên đường D2) và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà bảo vệ, lưu lượng lớn nhất khoảng 0,1 m³/ngày được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, sau đó dẫn chung bằng đường ống nhựa HDPE đường kính Ø90mm về điểm đầu nối nước thải vào hố ga thoát nước thải của KCN Đất Cuốc (trên đường D2) và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà xưởng sản xuất, lưu lượng lớn nhất khoảng 2,4 m³/ngày được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, sau đó dẫn chung bằng đường ống nhựa HDPE đường kính Ø90mm về điểm đầu nối nước thải vào hố ga thoát nước thải của KCN Đất Cuốc (trên đường D2) và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước sinh hoạt từ nhà vệ sinh thải vào bể tự hoại → Ngăn lắng và phân hủy cặn → Ngăn chứa nước → Ngăn lọc → Hệ thống XLNT tập trung của Khu công nghiệp Đất Cuốc – Khu B, tại 01 vị trí đầu nối trên đường D2.

- Tọa độ vị trí đầu nối nước thải: X= 1228837,85; Y= 617955,004),
(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

- Công suất thiết kế: Bể tự hoại 3 ngăn (thể tích mỗi bể là 15,75m³).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Vật liệu lọc gồm sỏi, than, cát.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo Điều 97 Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như: tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn, tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

- Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:

+ Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn. Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

+ Kiểm tra, giám sát đường thông thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải.

+ Phối hợp với các cơ quan chuyên môn về môi trường nhằm theo dõi và khắc phục khi có sự cố xảy ra.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường và BQL KCN Đất Cuốc các sự cố xảy ra để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp hướng dẫn phương án khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Đất Cuốc, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

- Đảm bảo phương án đầu nối, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.
- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả, công trình thu gom, xử lý nước thải.
- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 02/GPMT-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

TT	Nguồn phát sinh	Vị trí phát sinh
1	Nguồn số 01 đến nguồn 12	Bụi phát sinh từ máy khuấy trộn: Từ máy số 1 đến máy số 12
2	Nguồn số 12 đến nguồn số 24	Bụi phát sinh từ máy nghiền: Từ máy số 1 đến máy số 12
3	Nguồn số 25 đến nguồn số 36	Bụi phát sinh từ máy sàng: Từ máy số 1 đến máy số 12
4	Nguồn số 37 đến nguồn số 48	Bụi phát sinh từ chuyên phun sơn thử nghiệm: Từ chuyên số 1 đến chuyên số 12
5	Nguồn số 49	Khí thải từ chuyên sấy sơn thử nghiệm

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải, lưu lượng xả thải khí lớn nhất:

2.1 Vị trí xả thải:

TT	Dòng khí thải	Vị trí xả khí thải	Tọa độ
1	Dòng khí thải số 01	Ống thoát khí thải sau HTXLKT lọc bụi túi vải (nguồn số 01 đến nguồn thải số 48): phát sinh từ 12 máy khuấy trộn, 12 máy nghiền, 12 máy sàng, 12 chuyên phun sơn thử nghiệm.	X = 1228872,724; Y = 618053,644.
2	Dòng khí thải số 02	Ống thoát khí thải sau HTXLKT than hoạt tính (nguồn số 49): phát sinh từ chuyên sấy sơn thử nghiệm	X = 1228872,451; Y = 618053,614.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Tổng lưu lượng xả khí thải tối đa: 85.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 80.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 5.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Bụi và khí thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn được xả ra môi trường thông qua ống thải, xả gián đoạn theo ca làm việc (8/24 giờ);

- Dòng khí thải số 02: Bụi và khí thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn được xả ra môi trường thông qua ống thải, xả gián đoạn theo ca làm việc (8/24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, $k_p=0,9$; $k_v=1$ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ), cụ thể như sau:

Giới hạn chất lượng khí thải trước khi thải vào môi trường không khí sau HTXL khí thải số 01.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $K_p = 0,9$, $K_v = 1$)
1	Lưu lượng	m ³ /h	--
2	Bụi	mg/Nm ³	180

Giới hạn chất lượng khí thải trước khi thải vào môi trường không khí sau HTXL khí thải số 02.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 20:2009/BTNMT)
1	Lưu lượng	m ³ /h	--
2	Benzen	mg/Nm ³	5
3	Styren	mg/Nm ³	100

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01 đến số 48: Bụi phát sinh từ máy khuấy trộn, máy nghiền, máy sàng và chuyên phun sơn thử nghiệm được thu gom bằng hệ thống chụp hút (kích thước $0,4m \times 0,4m \times 0,5m$) và ống dẫn bụi (kích thước ống nhánh $D200mm$, ống chính $D400mm$) được quạt hút hút qua thiết bị lọc bụi túi vải (408 túi, kích thước túi lọc $140mm \times 3000mm$) và phát tán qua 01 ống thải có chiều cao 15m, đường kính 1,2m. Bụi sau hệ thống xử lý được thu gom về buồng chứa bụi (kích thước: $DxRxH = 0,6m \times 0,4m \times 0,6m$).

- Nguồn số 49: Khí thải phát sinh từ chuyên sấy sau sơn thử nghiệm được thu gom bằng hệ thống chụp hút (kích thước $DxRxH = 1m \times 1m \times 0,5m$) và ống dẫn (kích thước ống $D = 300mm$) được quạt hút hút dẫn về hệ thống xử lý khí thải bằng than hoạt tính (4 lớp, kích thước $DxRxH = 1,2m \times 0,9m \times 0,1m$) và phát tán qua 01 ống thải có chiều cao 15m, đường kính $D = 400mm$.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Nguồn thải số 01 đến nguồn thải số 48 (bụi phát sinh từ máy khuấy trộn, máy nghiền, máy sàng và chuyên phun sơn thử nghiệm):

- Số lượng công trình: 01 công trình.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi phát sinh (máy khuấy trộn, máy nghiền, máy sàng và chuyên phun sơn thử nghiệm) → Hệ thống chụp hút (kích thước $DxRxH = 0,4m \times 0,4m \times 0,5m$) và ống dẫn bụi (kích thước ống nhánh: $D = 200mm$, ống chính $D = 400mm$) → Quạt hút (công suất $80.000m^3/h$) → Thiết bị lọc bụi túi vải (408 túi, kích thước: $DxH = 140mm \times 3000m$) → Ống thải (cao $H = 15m$, đường kính $D = 1,2m$).

- Công suất thiết kế: $80.000 m^3/h$

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi lọc vật liệu polyster, tổng khối lượng túi lọc 269kg, tần suất thay thế 1 năm/lần.

1.2.2. Nguồn thải số 49 (Khí thải phát sinh từ chuyên sấy sau sơn thử nghiệm):

- Số lượng công trình: 01 công trình.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải phát sinh (chuyên sấy sau sơn thử nghiệm) → hệ thống chụp hút (kích thước $DxRxH = 1m \times 1m \times 0,5m$) và ống dẫn khí thải (kích thước $D = 300mm$) → Quạt hút (công suất $5.000m^3/h$) → Buồng than hoạt tính (4 lớp, kích thước $DxRxH = 1,2m \times 0,9m \times 0,1m$) → Ống thải (cao 15m, đường kính $D = 400mm$).

- Công suất thiết kế: $5.000 m^3/h$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính có tổng khối lượng 259,2 kg. Tần suất thay thế 4 tháng/lần



1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo Điều 98 Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các công trình xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo khí thải đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Cán bộ vận hành phải nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động của các tổ máy để kiểm tra, khắc phục.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra toàn bộ hệ thống để khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Trong vòng 03 tháng kể từ ngày có giấy phép môi trường (thời gian dự kiến 03/2025 đến 05/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

STT	Vị trí	Tọa độ
01	Ống thoát khí thải sau HTXL bụi bằng lọc bụi túi vải	X = 1228872,724; Y = 618053,644.
02	Ống thoát khí thải sau HTXL khí thải bằng than hoạt tính	X = 1228872,451; Y = 618053,614.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại mục 2.2.2 của phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian lấy mẫu: 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định (giai đoạn điều chỉnh do Chủ dự án tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải).

- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu nước thải: Mẫu đơn tại đầu ra (ống thải khí thải) sau hệ thống xử lý khí thải.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần.
- Thông số quan trắc: Lưu lượng, Bụi tổng, Benzen, Styren.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

- Sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm, trong vòng 10 ngày chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến cơ quan cấp giấy phép, môi trường theo quy định.



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YẾU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 02/GPMT-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn của khu vực máy khuấy trộn số 1 - 12;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn của khu vực máy nghiền số 1 - 12;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn của khu vực máy sàng số 1 - 12;
- Nguồn số 04: Tiếng ồn của khu vực chuyên phun sơn thử nghiệm số 1 - 12;
- Nguồn số 05: Tiếng ồn của HTXL khí thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$ múi chiều 3°):

- Nguồn số 01: Có tọa độ (X;Y) = (1228854.595; 618026.833);
- Nguồn số 02: Có tọa độ (X;Y) = (1228854.425; 618026.683);
- Nguồn số 03: Có tọa độ (X;Y) = (1228854.132; 618026.478);
- Nguồn số 04: Có tọa độ (X;Y) = (1228855.241; 618027.326);
- Nguồn số 05: Có tọa độ (X;Y) = (1228855.478; 618027.781).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; tạo khoảng cách cách ly và trồng cây xanh trong khuôn viên theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng - QCVN 01:2021/BXD.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt đệm cao su tại các chân các thiết bị có công suất lớn, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 02/GPMT-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Nguồn phát sinh chất thải nguy hại phát sinh trung bình 1 năm cụ thể như sau:

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt, dính sơn	18 02 01	400
2	Cặn sơn thải	08 01 01	3.000
3	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	30
4	Hộp mực in thải	08 02 04	10
5	Pin ắc quy chì thải	16 01 12	10
6	Than hoạt tính thải	12 01 04	780
Tổng cộng			4.230

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Dây đai, thùng carton thải không dính thành phần nguy hại	18 01 05	2.000
2	Bao nilon thải không dính các thành phần nguy hại	18 01 06	500
3	Giấy vụn phòng thải	19 01 09	100
4	Pallet nhựa	14 01 11	200
5	Kính vỡ	11 02 03	15
TỔNG KHỐI LƯỢNG			2.815

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khi dự án đi vào hoạt động, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên, bao gồm: rác hữu cơ có khả năng phân huỷ (*rau quả, thực phẩm thừa,...*), rác thải vô cơ (*bao nylon, vỏ lon, thủy tinh thải,...*), khối lượng khoảng 40 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 6 thùng chứa bằng nhựa (*dung tích 100 lít*) để lưu chứa.

- Tất cả các thùng lưu trữ CTNH là loại thùng chuyên dụng, đảm bảo không rò rỉ, các thùng đều có nắp dậy, chống ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hoá học với các chất thải nguy hại bên trong có dán nhãn ghi tên từng loại chất thải và biển báo nguy hiểm tùy tính chất của chất thải.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 12,75 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: xây tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, gờ chống tràn, hố thu và rãnh thu gom tránh chất thải nguy hại rò rỉ ra môi trường xung quanh. Đồng thời lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại. Cạnh cửa ra vào được trang bị thiết bị PCCC, có thùng chứa cát, xẻng xúc và bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy để phòng ngừa, ứng phó các sự cố có thể xảy ra tại kho lưu chứa. Công ty cam kết sẽ hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, với tần suất 2 tháng/lần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 5 thùng chứa bằng nhựa (*dung tích 100 lít*) để lưu chứa.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 12,75 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có cửa khóa, nền chống thấm, có mái che, chất thải công nghiệp thông thường được phân loại, lưu trữ trong các bao chứa hoặc các thùng chứa có ghi nhãn mác, được kê trên pallet tránh nước mưa từ bên ngoài tràn vào, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, với tần suất 1 tháng/lần

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa*: Được trang bị các thùng nhựa (02 thùng loại 20 lít, 01 thùng loại 50 lít, 01 thùng loại 240 lít), loại thùng nhựa, có nắp đậy.

2.3.2. *Kho lưu chứa*: Không bố trí kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất theo quy định của Luật hóa chất và các văn bản liên quan.

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, ứng cứu sự cố và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trọng quá trình thực hiện dự án theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch trong phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 02/GPMT-CBND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên)



1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
2. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục công trình của Dự án.
3. Kiểm tra, quản lý chặt chẽ các chất thải từ các quá trình thi công, đảm bảo mọi loại chất thải, nước thải phát sinh từ hoạt động thi công của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.
4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
5. Thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn, trật tự, phòng chống cháy nổ và phòng ngừa sự cố môi trường.
6. Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
7. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 điều 51 Luật bảo vệ môi trường.
8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.

